

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2026.

V/v tranh chấp: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tạ Công Minh**

2. Ông **Phùng Văn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐST- HNGĐ ngày 23/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HN ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **L** - sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh T.

Nay là: ấp V, xã V, tỉnh Đ

* Bị đơn: Ông **T** - sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh T.

Nay là: ấp V, xã V, tỉnh Đ.

(Bà L xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn bà L trình bày: Bà và ông T cưới nhau vào năm 1984, có sự tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 1985 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có khả năng hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1985 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên T, sinh ngày 09/01/1985, hiện cháu T đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông T đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Thế, nhưng ông T không đến Toà án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà L xin vắng mặt

Bị đơn ông T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà L.

[2] Xét bị đơn ông T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở. Vì bà L và ông T cưới nhau vào năm 1984, được sự tự nguyện, tuy không có đăng ký kết hôn nhưng bà L và ông T sống chung từ năm 1984 cho đến nay nên đây là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận. Sau khi cưới bà L và ông T sống hạnh phúc đến năm 1985 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên bà L và ông T sống ly thân từ năm 1985 cho đến nay, nhưng bà L và ông T vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không T hàn gắn được, đời sống chung không T kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên T, sinh ngày 09/01/1985, hiện cháu T đã thành niên, bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: bà L và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này bà L và ông T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: do bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 179, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Bà L được ly hôn với ông T.

Về án phí: bà L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND KV 3 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- PTHADS KV 3 – Đồng Tháp;
- UBND xã Vĩnh Kim, ĐT
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh